

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1127/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: GIÁO DỤC HỌC

Tiếng Anh: Doctoral in Primary Education

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành đào tạo: Giáo dục học

Mã ngành: 9140 01

Tên gọi văn bằng: Tiến sĩ Giáo dục học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 48 tháng (với người có bằng tốt nghiệp đại học); 42 tháng (với người có bằng thạc sĩ).

Vị trí việc làm:

- Là chuyên gia thuộc lĩnh vực Giáo dục học (tiểu học), có thể làm giảng viên, nghiên cứu viên, người quản lý chuyên môn tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học có nghiên cứu và đào tạo về lĩnh vực Giáo dục học và Giáo dục tiểu học.

- Là chuyên gia có khả năng hợp tác, dẫn dắt chuyên môn, phối hợp tổ chức nghiên cứu về lĩnh vực Giáo dục học (tiểu học), có thể làm giáo viên, người quản lý chuyên môn tại các cơ sở giáo dục công lập (trường tiểu học, phòng giáo dục, sở giáo dục) và các cơ sở giáo dục ngoài công lập trong nước và quốc tế.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: 06/2024

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Giáo dục học (tiểu học) đào tạo nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có năng lực phát triển tri thức mới, phát hiện quy luật giáo dục, nghiên cứu, tổ chức thực hiện để giải quyết các vấn đề của giáo dục tiểu học, đáp ứng được những đòi hỏi đang và sẽ đặt ra cho sự nghiệp giáo dục Việt Nam, khu vực và thế giới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo tiến sĩ ngành Giáo dục học (tiểu học):

Mã	Mô tả
PO1	Có phẩm chất, đạo đức của nhà khoa học; tiên phong trong đổi mới giáo dục; có trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên môn; có tinh thần cống hiến.

Mã	Mô tả
PO2	Có trình độ cao về lí thuyết và ứng dụng trong nghiên cứu, giảng dạy thuộc lĩnh vực Giáo dục học (tiểu học).
PO3	Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, tự chủ và trách nhiệm; có năng lực phát triển tri thức mới, phát hiện được những quy luật giáo dục trong lĩnh vực Giáo dục học (tiểu học).

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo có thể:

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
PLO1	Mẫu mực trong rèn luyện các phẩm chất, đạo đức của nhà khoa học, tiên phong trong đổi mới giáo dục, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên môn và tinh thần cống hiến.	<p>PI1.1. Thể hiện ý thức trách nhiệm cao trong học tập và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển tri thức chuyên môn.</p> <p>PI1.2. Thể hiện sự trung thực trong nghiên cứu và công bố các công trình khoa học.</p> <p>PI1.3. Thể hiện sự tiên phong trong khám phá, đề xuất các giải pháp đổi mới giáo dục.</p> <p>PI1.4. Đóng góp tích cực vào sự nghiệp giáo dục của đất nước.</p>
PLO2	Vận dụng hiệu quả tri thức liên ngành và tri thức chuyên ngành để đánh giá và giải quyết những vấn đề mới về lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học.	<p>PI2.1. Vận dụng hiệu quả tri thức liên ngành và tri thức chuyên ngành để đánh giá những vấn đề mới về lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học.</p> <p>PI2.2. Vận dụng hiệu quả tri thức liên ngành và tri thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề mới về lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực khoa học giáo dục tiểu học.</p>
PLO3	Thực hiện một cách độc lập và sáng tạo các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về giáo dục tiểu học.	PI3.1. Độc lập đề xuất vấn đề nghiên cứu trên cơ sở những thành tựu, tiến bộ, xu hướng phát triển khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học.

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
		PI3.2. Độc lập xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiểu học. PI3.3. Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để đề xuất giải pháp và đánh giá hiệu quả các giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu về giáo dục tiểu học.
PLO4	Phổ biến, chuyển giao được kết quả nghiên cứu về giáo dục tiểu học trong cộng đồng học thuật.	PI4.1. Tham gia thảo luận, trao đổi các kết quả nghiên cứu về giáo dục tiểu học trong cộng đồng học thuật. PI4.2. Chuyển giao được kết quả nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục tiểu học.
PLO5	Quản lý, đánh giá được việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học	PI5.1. Triển khai, hướng dẫn được cho các nhóm nghiên cứu thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục tiểu học. PI5.2. Tổ chức, hướng dẫn, giám sát được các hoạt động học thuật trong lĩnh vực giáo dục tiểu học. PI5.3. Đánh giá được kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể		
	PO1	PO2	PO3
PLO1	x		
PLO2		x	
PLO3			x
PLO4			x
PLO5	x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Thực hiện theo Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 16 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2.

Khối lượng kiến thức trong CTĐT	Nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ		NCS có trình độ đại học
	Ngành phù hợp	Ngành phải học bổ sung kiến thức	
Học phần bổ sung, chuyển đổi	0 tín chỉ	9* tín chỉ	30 tín chỉ
Học phần tiến sĩ	12 tín chỉ	12 tín chỉ	12 tín chỉ
Chuyên đề tiến sĩ	6 tín chỉ	6 tín chỉ	6 tín chỉ
Tiểu luận tổng quan	3 tín chỉ	3 tín chỉ	3 tín chỉ
Luận án	69 tín chỉ	69 tín chỉ	69 tín chỉ
Tổng số	90 tín chỉ	99 tín chỉ	120 tín chỉ

*) Trường hợp số tín chỉ phải học bổ sung lớn hơn 9, Hội đồng chuyên môn ngành sẽ xác định.

4. Chuẩn đầu vào

4.1. Yêu cầu chung

Người dự tuyển phải đạt được các yêu cầu được quy định tại Điều 7, chương II, Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

Người học có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Người học là công dân Việt Nam phải có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); người học là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quy định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4.2. Danh mục ngành phù hợp

a) NCS có bằng thạc sĩ ngành Giáo dục học: Không phải học bổ sung kiến thức.
b) NCS có bằng đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp cần học bổ sung các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của ngành tương ứng, gồm:

- Học phần Triết học;
- Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở;
- Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

4.3. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức

- Danh mục: Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học giáo dục (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), gồm: Lý luận và phương pháp dạy học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Quản lý giáo dục; Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy; Giáo dục quốc tế và so sánh; Giáo dục đặc biệt.

- Những NCS có bằng thạc sĩ ngành phải học bổ sung kiến thức: học những học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (tiểu học) theo định hướng nghiên cứu theo quy định của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

- (1) **Dạy học phân hóa (Differentiated Instruction):** Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.
- (2) **Học tập tích cực (Active Learning):** Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....
- (3) **Học tập theo câu hỏi (Inquiry-Based Learning):** Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.
- (4) **Học tập kết hợp (Blended Learning):** Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.
- (5) **Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom):** Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.
- (6) **Học tập hợp tác (Collaborative Learning):** Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể

tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ gồm 90 tín chỉ đối với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành. Đối với người học có trình độ đại học, các học phần bổ sung gồm 30 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn cơ sở và nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu/ứng dụng của chuyên ngành tương ứng. Đối với người học không đúng chuyên ngành, các học phần bổ sung gồm 09 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của chuyên ngành tương ứng.

b) 48 tháng (với người có bằng tốt nghiệp đại học); 42 tháng (với người có bằng thạc sĩ). Mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS.

6.1.2. Phương thức đào tạo

- Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 16 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ở trụ sở chính hoặc tại phân hiệu đã được phép hoạt động đào tạo của Trường, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Trường.

- Các cơ sở đào tạo được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

- Trường tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo Quy định về đào tạo trực tuyến và đào tạo kết hợp hiện hành.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Hoàn thành việc học bổ sung theo Quy định;

b) Hoàn thành các học phần trình độ tiến sĩ: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần tiến sĩ (gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn) thuộc trình độ tiến sĩ;

c) Hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ theo quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

d) Hoàn thành Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án trước Hội đồng chuyên ngành theo quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

e) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

g) Hoàn thành luận án tiến sĩ và được chấm luận án cấp Trường ĐHSP Hà Nội 2 đánh giá đạt theo các quy định hiện hành. Trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu.

h) Hoàn thành các nghĩa vụ về học phí và các quy định khác.

7. Cách thức đánh giá

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

a) Các học phần tiến sĩ, học phần bổ sung (nếu có) được đánh giá theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

b) Tiểu luận tổng quan được đánh giá theo thang điểm 10 và xếp loại theo điểm a, b, khoản 4, Điều 9 của Quy định tuyển sinh và đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Hội đồng đánh giá bài tiểu luận tổng quan gồm 03 thành viên có học vị tiến sĩ thuộc cùng chuyên ngành của luận án NCS, đáp ứng các tiêu chuẩn đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 16 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2. Thành viên Hội đồng do trưởng đơn vị đào tạo giới thiệu, gửi về Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định.

c) Các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá theo thang điểm 10 và xếp loại theo điểm a, b, khoản 4, Điều 9 của Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Hội đồng đánh giá gồm 03 thành viên là những giảng viên, nghiên cứu viên có học vị tiến sĩ thuộc cùng chuyên ngành của luận án NCS, đáp ứng các tiêu chuẩn đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy định về Tuyển sinh và đào

tạo trình độ tiến sĩ, Ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 16 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2. Các thành viên Hội đồng do trưởng đơn vị đơn vị đào tạo giới thiệu gửi về Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định.

d) Luận án tiến sĩ được đánh giá theo các Điều 17, 18 và 22 của Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 16 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2.

đ) Nếu kết quả đánh giá phần nào trong các điểm a, b, c không đạt yêu cầu thì NCS phải thực hiện lại nhưng không quá 2 lần. Nếu sau 2 lần thực hiện, NCS vẫn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng ra quyết định chấm dứt quá trình học tập; NCS có thể đề xuất công nhận kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy và học bổ sung một số học phần hoặc kết quả nghiên cứu để được cấp bằng thạc sĩ ngành tương ứng nếu NCS chưa có bằng thạc sĩ.

e) Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có thể quyết định cho phép việc đánh giá các học phần bằng hình thức trực tuyến theo các quy định liên quan hiện hành.

8. Nội dung chương trình

8.1. Khung chương trình

Phần 1: Học phần bổ sung

Có bằng đại học thuộc cùng nhóm ngành (theo danh mục thống kê các ngành đào tạo trình độ đại học được quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022), học bổ sung các học phần gồm 30 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn cơ sở và nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của ngành Giáo dục học (tiểu học).

Có bằng thạc sĩ ngành gần phải học bổ sung kiến thức (theo danh mục thống kê các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022), học bổ sung 09 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của ngành Giáo dục học (tiểu học). Sau khi trúng tuyển, căn cứ vào đề tài luận án, người hướng dẫn khoa học xác định các học phần bổ sung cho người học, thông qua Hội đồng chuyên môn chuyên ngành và gửi về Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và bài tiểu luận tổng quan

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
I	Các học phần trình độ tiến sĩ		12					
I.1	<i>Bắt buộc</i>		06					
1	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nâng cao	DPE601	3	30	30			90
2	Giáo dục kĩ năng học tập ở tiểu học nâng cao	DPE602	3	30	30			90
I.2	<i>Tự chọn: chọn 1 trong các lĩnh vực sau</i>		06					
	<i>Tự chọn 1: Giáo dục Ngữ văn ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)</i>							
3	Dạy học tiếng Việt ở Tiểu học theo quan điểm giao tiếp	DPE611	3	30	30			90
4	Ngữ dụng học	DPE612	3	30	30			90
5	Lý thuyết lịch sử và lịch sử trong giao tiếp tiếng Việt	DPE613	3	30	30			90
6	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	DPE614	3	30	30			90
7	Phát triển năng lực tiếp nhận – hồi đáp các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học	DPE615	3	30	30			90
	<i>Tự chọn 2: Giáo dục Toán học ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)</i>							
8	Phát triển tư duy logic cho học sinh tiểu học	DPE616	3	30	30			90
9	Phát triển chương trình môn Toán tiểu học ở Việt Nam	DPE617	3	30	30			90
10	Đổi mới phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	DPE618	3	30	30			90
11	Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học Toán ở tiểu học	DPE619	3	30	30			90
12	Hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh tiểu học thông qua dạy học các biểu tượng hình học	DPE620	3	30	30			90

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
	<i>Tự chọn 3: Giáo dục các lĩnh vực khác ở tiểu học (chọn 2 trong các học phần)</i>							
13	Định hướng nghiên cứu và sử dụng dạy học chương trình hoá ở tiểu học	DPE621	3	30	30			90
14	Đánh giá nội dung dạy học tiểu học dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại	DPE622	3	30	30			90
15	Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học trong quá trình dạy học các môn học ở tiểu học	DPE623	3	30	30			90
16	Một số vấn đề lí luận của việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học ở tiểu học	DPE624	3	30	30			90
II	Các chuyên đề tiến sĩ		06					
	Chuyên đề 1		2					
	Chuyên đề 2		2					
	Chuyên đề 3		2					
III	Tiểu luận tổng quan		03					
IV	Luận án tiến sĩ		69					
	TỔNG CỘNG:		90					

8.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	PLO1				PLO2		PLO3			PLO4		PLO5			
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	
DPE601									T						
DPE602					T	T									
DPE611					T	T									
DPE612					T	T									
DPE613					T	T									
DPE614					T	T									
DPE615					T	T									
DPE616					T	T									
DPE617					T	T									
DPE618					T	T									
DPE619					T	T									

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	PLO1				PLO2		PLO3			PLO4		PLO5			
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2	PI5.3	
DPE620					T	T									
DPE621					T	T									
DPE622					T	T									
DPE623					T	T									
DPE624					T	T									
Chuyên đề 1		T					T	T	T	T	T				
Chuyên đề 2		T					T	T	T	T	T				
Chuyên đề 3		T					T	T	T	T	T				
Tiểu luận tổng quan		T			T					T					
Luận án tiến sĩ	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	

* NCS có bằng đại học thuộc cùng nhóm ngành học bổ sung các học phần gồm 30 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn cơ sở và nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của ngành Giáo dục học (tiểu học).

NCS có bằng thạc sĩ ngành gần học bổ sung 09 tín chỉ là các học phần thuộc nhóm các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của chuyên ngành Giáo dục học (tiểu học). Sau khi trúng tuyển, căn cứ vào đề tài luận án, người hướng dẫn khoa học xác định các học phần bổ sung cho người học, thông qua Hội đồng chuyên môn chuyên ngành và gửi về Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt.

9. Mô tả tóm tắt các học phần

9.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp cho người học những phương pháp thiết kế và thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học: xác định vấn đề, mục đích, giả thuyết nghiên cứu; trên cơ sở đó lựa chọn phương pháp nghiên cứu, thiết kế, sử dụng công cụ, phương tiện nghiên cứu. Học phần cũng giúp người học hiểu sâu hơn về phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, sử dụng công nghệ trong nghiên cứu khoa học.

Học phần cũng trang bị cho người học các phương pháp tìm tòi, tra cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu, trích dẫn tài liệu, trên cơ sở đó đưa ra những nhận xét, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã có, cách trình bày bài tổng quan vấn đề nghiên cứu trong luận án và các công trình khoa học khác. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu một số tạp chí quốc tế uy tín trong lĩnh vực giáo dục, cung cấp cho người học phương pháp trình bày, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên phạm vi quốc tế, cách thức gửi bài viết và chỉnh sửa sau phản biện.

9.2. Giáo dục kỹ năng học tập ở tiểu học nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về kỹ năng học tập; Giáo dục kỹ năng học tập; Biện pháp và hình thức giáo dục kỹ năng học tập ở tiểu học; Một số phương pháp rèn kỹ năng tự học cho học sinh tiểu học. Yêu cầu NCS chủ động, tích cực xử lý tư liệu, hợp tác và tư duy phê phán, rèn luyện thường xuyên qua thực hành và ứng dụng.

9.3. Dạy học tiếng Việt ở tiểu học theo quan điểm giao tiếp (3 tín chỉ)

Dạy học tiếng Việt ở tiểu học gồm hệ thống tri thức lý thuyết về các cơ sở khoa học, đặc biệt là cơ sở ngôn ngữ học của dạy học tiếng Việt ở trường Tiểu học theo định hướng giao tiếp. Trên cơ sở đó, người học sẽ được hướng dẫn nghiên cứu quy trình cũng như cách thức thiết lập quy trình dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp từ việc xác định mục tiêu, xây dựng nội dung dạy học, tổ chức dạy học đến tiến hành kiểm tra đánh giá học sinh. Học phần trang bị cho người học những cơ sở khoa học của việc dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học theo quan điểm giao tiếp. Đồng thời hình thành, phát triển ở người học kỹ năng thiết lập quy trình dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp từ việc xác định mục tiêu, xây dựng nội dung cho đến tổ chức dạy học.

9.4. Ngữ dụng học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản về ngữ dụng học và kỹ năng phân tích những bình diện của ngữ dụng học biểu hiện trên những đơn vị lời nói cụ thể. Qua đó, bồi dưỡng ý thức vận dụng các kiến thức về ngữ dụng học vào việc dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

9.5. Lý thuyết lịch sự và lịch sự trong giao tiếp tiếng Việt (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những hệ thống tri thức chuyên sâu về lý thuyết lịch sự và các phương tiện ngôn ngữ có khả năng biểu thị tính lịch sự trong giao tiếp tiếng Việt. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh có thể tổ chức dạy học, đánh giá các nội dung và phương pháp dạy học có liên quan như các bài về nghi thức lời nói, các bài về tổ chức cuộc họp, giới thiệu tổ, lớp, trường, các bài liên quan đến hội thoại trong chương trình Tiếng Việt.

9.6. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị hiểu biết về vấn đề cảm thụ văn học, tâm lý học cảm thụ và cách thức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học, từ đó, phát triển năng lực cảm thụ văn học, đặc biệt là năng lực cảm thụ thơ văn cho học sinh tiểu học. Qua đó, góp phần củng cố và nâng cao năng lực tiếp nhận các loại văn bản nghệ thuật cho học sinh tiểu học.

9.7. Phát triển năng lực tiếp nhận - hồi đáp các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần giới thiệu nội dung kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, gắn với các thể loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Mặt khác, học phần còn bổ sung

thêm nội dung hướng dẫn người học cách phát biểu và lí giải những vấn đề mình lĩnh hội được trong quá trình tiếp nhận văn bản.

9.8. Phát triển tư duy logic cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về lôgic, trên cơ sở đó, phân tích cấu trúc lôgic của môn Toán tiểu học; Đề xuất những biện pháp góp phần hình thành và rèn tư duy lôgic cho học sinh trong quá trình dạy và học toán tiểu học.

9.9. Phát triển chương trình môn Toán tiểu học ở Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp cho NCS một cách hệ thống những kiến thức về chương trình, chương trình môn Toán ở Việt Nam và một số nước trong khu vực và trên thế giới. Thông qua các hoạt động seminar, hình thành cho NCS kĩ năng phân tích chương trình một học phần, thấy được những ưu điểm và hạn chế của chương trình môn Toán hiện hành để đề xuất biện pháp thực hiện tốt chương trình đó.

9.10. Đổi mới phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần nhằm giúp nghiên cứu sinh hiểu chắc chắn các định hướng mới trong dạy học Toán, hiểu chắc chắn các cơ sở lý luận để hoàn thiện luận án; từ đó, hoàn thiện các ý tưởng vận dụng trong phần nghiên cứu của mình.

9.11. Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học Toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Giúp nghiên cứu sinh hiểu biết sâu sắc các cơ sở tâm lí - giáo dục hiện đại của các phương pháp dạy học Toán; có tầm nhìn khái quát về các biện pháp tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học Toán; tạo cơ sở lý luận cho nghiên cứu sinh nghiên cứu luận án có liên quan đến lĩnh vực tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh trong môn Toán ở tiểu học.

9.12. Hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh tiểu học thông qua dạy học các biểu tượng hình học (3 tín chỉ)

Học phần giúp NCS có sự hiểu biết vững chắc về quá trình hình thành và phát triển trí tưởng tượng không gian của học sinh tiểu học trong quá trình dạy học; hiểu sâu sắc mối liên quan giữa các biểu tượng hình học, các hoạt động hình học ở tiểu học với những kiến thức của cơ sở toán học có liên quan. Giúp NCS có cái nhìn khái quát về các vấn đề dạy học các yếu tố hình học ở tiểu học (quan điểm, nội dung, phương pháp, cách tổ chức các hoạt động hình học). Giúp nghiên cứu sinh có tầm nhìn rộng và sâu về vị trí vai trò của các yếu tố hình học ở tiểu học, nội dung cùng phương pháp dạy học thích hợp chuẩn bị cho học sinh tiểu học học hình học có hệ thống ở cấp trên và ra đời phục vụ xã hội.

9.13. Định hướng nghiên cứu và sử dụng dạy học chương trình hóa ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần đề cập đến một trong những cách tiếp cận dạy học hiện đại đã được sử dụng trong thời gian dài tại các nước có nền giáo dục hiện đại, song còn ít được nghiên

cứu và áp dụng ở nước ta, đặc biệt là trong giáo dục tiểu học. Phương pháp dạy học này sẽ phát huy hiệu quả nếu được hỗ trợ bởi công nghệ thông tin và truyền thông ICTs.

9.14. Đánh giá nội dung dạy học tiểu học dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại (3 tín chỉ)

Học phần đề cập đến một trong những cách tiếp cận dạy học hiện đại đã được sử dụng trong thời gian dài tại các nước có nền giáo dục hiện đại. Hệ thống lí thuyết được kết hợp với các bài tập thực hành trong dạy học các học phần ở tiểu học; bên cạnh đó, có 1 bài tập lớn bắt buộc cho người học. Học phần này cần được thực hiện ở cấp độ đào tạo tiến sĩ, sau khi người học đã được trang bị các kiến thức cơ bản về tâm lí - giáo dục học ở đại học; các chuyên đề về PPDH bộ môn ở trình độ thạc sĩ.

9.15. Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học trong quá trình dạy học các môn học ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần giúp NCS có cái nhìn sâu sắc về quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học thông qua việc khai thác các nhân tố khác nhau của quá trình dạy học - nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, việc kiểm tra, đánh giá,... về việc phối hợp con đường giáo dục thông qua dạy học với con đường giáo dục thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp có hiệu quả.

9.16. Một số vấn đề lí luận của việc sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần giúp NCS nắm vững cơ sở lí luận về phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại ở tiểu học và sử dụng thành thạo và linh hoạt các phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình tổ chức dạy học ở tiểu học.

9.17. Tiểu luận tổng quan

9.18. Chuyên đề 1

9.19. Chuyên đề 2

9.20. Chuyên đề 3

9.21. Luận án tiến sĩ

10. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

10.1. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Cụ thể:

10.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

10.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi, nghiên cứu và bảo vệ luận án của NCS;
- Chủ động đề xuất với Nhà trường trong hợp tác đào tạo trình độ tiến sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

10.1.3. Hội đồng chuyên môn

- Tham gia phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Đề xuất, tư vấn, tham gia các Hội đồng đánh giá hồ sơ dự tuyển, Hội đồng đánh giá Tiểu luận tổng quan, Hội đồng chấm chuyên đề tiến sĩ và Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở.

- Đề xuất với Nhà trường các chuyên gia ở các cơ sở trong và ngoài nước tham gia đào tạo và hướng dẫn NCS.

10.1.4. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ NCS trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

10.1.5. Nghiên cứu sinh

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Ngành Giáo dục và của Nhà trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Nhà trường về chương trình và hoạt động đào tạo.

10.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

10.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

10.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

10.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
HÀ NỘI 2



Nguyễn Quang Huy